

GIA ĐÌNH VÀ TÔN GIÁO

THEO QUAN NIỆM CỦA LÉOPOLD MICHEL CADIÈRE

Qua tác phẩm *Về văn hoá và tín ngưỡng truyền thống người Việt* (*)

LÊ ĐỨC HẠNH (**)

Sơ lược tiểu sử

Léopold Michel Cadière sinh ngày 14/2/1869 ở gần Aix-en-Provence, trong một gia đình trại chủ, nhưng sau đó chuyển lên sống ở thành thị. Sau khi cha mất, ông xin vào học Đại chủng viện Aix. Tiếp đấy, ông chuyển sang học ở Đại chủng viện của Hội Thừa sai Paris và được thụ phong linh mục ngày 24/9/1892. Ngày 26/10 năm đó, ông được điều đến giáo khu Bắc Nam Kỳ, tên gọi hồi đó của Địa phận Huế. Giám mục Gaspard, giám quản Địa phận Huế đương thời là một nhà ngôn ngữ học xuất sắc. Ông đã nhìn thấy khả năng của Cadière và hướng vị linh mục này vào việc nghiên cứu ngôn ngữ, lịch sử và dân tộc học tôn giáo.

Trước khi được cử đến một xứ đạo, từ năm 1893 đến năm 1895, Cadière giảng dạy ở Tiểu chủng viện An Ninh, cách Huế 100 km về phía Bắc, rồi trở về Đại chủng viện Huế. Từ tháng 10/1895, ông được điều đến Tam Toà, một giáo xứ xa xôi ở Quảng Bình. Giáo xứ này giáp với thành Đồng Hới, nơi có Luỹ Thầy nổi tiếng xây dựng từ thế kỉ XVII trong thời Trịnh - Nguyễn phân tranh. Cách nơi ông ở vài cây số có một tấm bia lớn ghi lại cuộc chiến tranh Nam - Bắc, đã cung cấp tư liệu cho một đề tài nghiên cứu của ông, được Viện Khoa học Pháp tặng thưởng năm 1903.

Sau 14 tháng sống ở Tam Toà, Cadière được chuyển đến Cự Lạc, bên hữu ngạn Nguồn Sơn, một nhánh của sông Gianh. Sáu năm ở nơi hẻo lánh và nghèo nàn này lại là thời gian để ông hoàn thành nhiều công trình nghiên cứu nhất về văn hoá truyền thống địa phương. Từ năm 1904 đến năm 1910, ông được điều về Cổ Vưu, rồi huyện lỵ Đình Cát. Đây là nơi có nhiều di tích lịch sử. Tại đó, ông đã thu thập được nhiều tư liệu về các dinh trấn của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, về sự du nhập của Công giáo vào Việt Nam và những dấu tích của Vương quốc Champa. Do làm việc quá sức, cuối năm 1910, ông được phép về dưỡng bệnh tại Pháp.

Trở lại Việt Nam, ông được cử làm tuyên úy của trường dòng Pellerin tại Huế, và ở đấy từ năm 1913 đến năm 1918. Thời gian này, ông cùng các trí thức Pháp lập nên *Hội Đô thành hiếu cổ*. Tập san của Hội được đánh giá là một trong những tạp chí khoa học có giá trị nhất ở Đông Dương thời đó.

Tháng 9/1918, Cadière được điều về làm linh mục xứ Di Loan ở Cửa Tùng, cửa sông Bến Hải. Thời gian này, ông được cử làm Ủy viên Viện Viễn Đông Bác

*. Léopold Cadière. *Về văn hoá và tín ngưỡng truyền thống người Việt*. Nxb Văn hoá Thông tin. Hà Nội 1997.

**. NCV, Viện Nghiên cứu Tôn giáo

cổ. Năm 1928, do bệnh tim, ông phải trở về Pháp một thời gian ngắn. Ở đó, ông tham gia *Tuần lễ dân tộc học tôn giáo* ở Luxembourg và trình bày tham luận xuất sắc của mình về gia đình và tôn giáo Việt Nam. Ông tiếp tục tìm hiểu tư liệu lịch sử ở Rôma và Paris, phát hiện bút kí quan trọng của Linh mục Gaspard Louis và hoạt động của các giáo sĩ Dòng Tên ở Macao, những cộng đồng Công giáo đầu tiên ở Việt Nam, tập hợp tư liệu về giáo sĩ Alexandre de Rhodes, người hoàn thiện chữ Quốc ngữ.

Sau cuộc đảo chính Nhật ngày 9/3/1945, ông bị quản thúc tại Huế trong 15 tháng. Tiếp đó, ông trở lại Cửa Tùng, nhưng cuộc chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ khiến ông cùng 6 linh mục khác bị kẹt lại ở Vinh. Trong thời gian này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết thư bày tỏ mối thông cảm với ông. Sau này, linh mục tâm sự rằng, ông phải cảm ơn Chúa đã cho ông những năm tháng thoát khỏi mọi công việc để chuyên tâm cầu nguyện. Ngày 13/6/1953, ông được chính quyền cách mạng đưa trở lại Quảng Bình, chuyển sang sống ở vùng tạm chiếm của quân đội Pháp. Lúc này, ở tuổi ngoài 80, Giáo hội Công giáo muốn đưa ông trở về Pháp, nhưng ông từ chối vì muốn được chết trong lòng giáo dân Việt Nam. Ngày 6/7/1955, Linh mục Cadière qua đời tại Huế và được an táng tại Nghĩa trang Phú Xuân theo đúng sở nguyện của ông.

Hoạt động khoa học của Linh mục Cadière gồm nhiều lĩnh vực, chứng tỏ một sức lao động cần cù và lòng hăng say tìm hiểu không mệt mỏi. Đặc biệt, những tư liệu ông thu thập không chỉ là những văn bản, mà còn là rất nhiều ghi chép thực địa. Văn bản đối với ông chỉ là chỗ dựa làm căn cứ, chúng phải luôn luôn được đối chiếu với thực tế mà ông ghi nhận trong suốt cuộc đời hành đạo từ xứ đạo này đến xứ đạo khác. Các công trình nghiên cứu của ông hướng theo ba trục

chính: ngôn ngữ, lịch sử và dân tộc học. Trong đó, cốt lõi quan trọng nhất của ông có lẽ là các công trình nghiên cứu về dân tộc học tôn giáo.

Khi mới đến Việt Nam, giống như nhiều thừa sai khác, ông đã đọc kĩ các sách về tín ngưỡng của người Việt như Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo và thờ cúng tổ tiên. Nhưng khi tiếp xúc với giáo dân trong các xứ đạo, ông nhận thấy thực tế khác hẳn. Người nông dân có một tín ngưỡng riêng mà sách sử không hề ghi chép, cả tầng lớp nho sĩ trí thức cũng bỏ qua thứ tín ngưỡng đó. Đó là tín ngưỡng thờ gốc cây, ngọn cỏ, thờ hòn đá, gò đất... đâu đâu cũng có hồn có ma. Từ đó, ông tìm ra triết lí và vũ trụ luận dân gian của người Việt. Công trình *Gia đình và tôn giáo ở Việt Nam*, một bài nghiên cứu tổng hợp xuất sắc về dân tộc học tôn giáo người Việt đó, đã được giới thiệu trên tạp san *Đô thành hiếu cổ*. Có thể nói, ông là một trong những người đi đầu trong nghiên cứu dân tộc học ở Việt Nam.

Gia đình và tôn giáo theo quan niệm của Cadière

Trong những nghiên cứu của mình, Cadière nhấn mạnh đến việc người An Nam thờ cúng *Quý Thần*. *Quý Thần* ở đây, theo ông, phải hiểu là vong linh tiên tổ mà mỗi gia đình đều thờ cúng; là vong hồn của những nhân vật xa xưa, ít nhiều có thật, nổi tiếng dưới nhiều danh nghĩa, mà các hoàng đế hay tín ngưỡng bình dân đã đặt lên bàn thờ, và thờ cúng riêng tư hoặc công khai và chính thức; là những vong linh mà hoàn cảnh khốn khổ sau khi thoát xác đã khiến cho họ trở nên độc dữ, trở thành "yêu", "ma" và nay cần phải xoa dịu, để họ khỏi tác hại cho những người đang sống; là các thần linh, tức những mãnh lực thiên nhiên có khi thì được nhân cách hoá một cách rõ rệt, có khi lại ít nhiều được tiềm ẩn mà thôi. Tôn giáo này được biểu hiện qua những công trình và dấu ấn ở khắp mọi nơi: trong

nhà, ngoài đường, tận chốn thâm sơn cùng cốc, và mọi lúc, cả đêm lẫn ngày.

Người An Nam có tinh thần tôn giáo một cách sâu đậm. Họ liên kết tôn giáo vào mọi hành vi của cuộc sống bản thân và thậm tin rằng các hữu thể siêu nhiên luôn hiện diện bên cạnh họ cũng như chi phối họ, và rằng hạnh phúc của họ tùy thuộc vào các hữu thể ấy can thiệp vào các chuyện ở cõi thế này. Ngoài ra, vì gia đình là một trong những định chế được thiết lập vững chãi nhất của nền văn minh An Nam, nên tự nhiên là tôn giáo, dưới các biểu hiện khác nhau của nó, đã được liên kết chặt chẽ với cuộc sống gia đình.

Để hiểu rõ ảnh hưởng của tôn giáo đối với gia đình ở xứ An Nam, Cadière đưa ra định nghĩa về gia đình theo quan niệm của ông, trong đó nhấn mạnh vai trò của tôn giáo đối với việc lập gia đình (việc hôn nhân), cũng như đối với các thành phần khác nhau trong gia đình.

1. Gia đình An Nam

Trong ngôn ngữ An Nam, theo Cadière, có hai tiếng diễn tả ý niệm gia đình, một theo nghĩa hẹp, một theo nghĩa rộng.

Tiếng “nhà”, nói cho đúng, chỉ “ngôi nhà”, xét như một công trình xây cất: “xây nhà”, “lợp nhà”, “nhà cháy”... Từ kép “nhà cửa”, nguyên tự: “ngôi nhà và cánh cửa”, đúng là chỉ cái nghĩa nguyên thủy này. Hiểu rộng ra, nó chỉ những ai ở trong nhà, nghĩa là “gia đình” vậy. Chữ “nhà”, trong ngôn ngữ An Nam, với nghĩa hẹp, chỉ những kẻ ở dưới mái nhà, nghĩa là gia đình theo nghĩa hẹp: cha mẹ, con cái.

Gia đình theo nghĩa rộng được ngôn ngữ bình dân gọi bằng chữ “họ” là chữ tự ban đầu chỉ mọi cuộc hội họp, mọi tập hợp con người, nhưng ở đây được chuyên môn hoá để thu hẹp nghĩa vào tập hợp những người cùng chung một tổ tiên. Theo nghĩa đặc thù này, chữ “họ” ương ứng với từ Hán Việt “tộc”, và cả hai

thường được ghép đôi với nhau để làm thành một tiếng kép.

“Họ”, gia đình theo nghĩa rộng, bao gồm hết những người phát xuất từ một tổ chung, nam cũng như nữ. Riêng những người nữ, vì mỗi dây hôn nhân và đứng trên phương diện phụng tự cũng như trong một vài hoàn cảnh thì chuyển sang họ nhà chồng, nhưng cho đến khi chết, thậm chí sau khi chết, họ vẫn giữ tên họ gốc.

Gia đình theo nghĩa rộng không chỉ bao gồm người sống mà cả những người chết. Điều này có tầm quan trọng đặc biệt, xét trên phương diện đang đề cập. Thật thế, do chính cấu tạo của mình, “họ”, gia đình theo nghĩa rộng, chủ yếu có tính chất tôn giáo, vì gồm một số thành phần siêu nhiên. Gia đình như là một đền thờ lớn. Cần lưu tâm đến sự khác biệt vốn có giữa “họ”, gia đình theo nghĩa rộng, và “nhà” gia đình theo nghĩa hẹp.

Gia đình theo nghĩa rộng luôn luôn bao gồm tổ tiên được thờ cúng hoặc trong “nhà thờ họ”, nơi đặt các bài vị tổ tiên từ thế hệ thứ năm trở lên, hoặc trên các bàn thờ tổ tiên của những trưởng chi khác nhau trong họ, nơi giữ các bài vị tổ tiên dưới thế hệ thứ năm. Các bàn thờ tổ tiên của các chi họ thường được đặt ở gian giữa, đôi khi ở gian bên trái trong ngôi nhà của trưởng chi.

Tại An Nam, mọi gia đình theo nghĩa hẹp, không trừ ai, đều thờ cúng tổ tiên. nhưng một số thì cử hành các nghi thức ngay trong nhà, đó là gia đình các con trưởng hay trưởng chi; số khác nhiều hơn, thì phải tới nhà trưởng chi để chu toàn các bốn phận đối với tiên tổ. Như vậy, “nhà” tức gia đình theo nghĩa hẹp, xét như một tập hợp gia đình đơn giản, chỉ thờ cúng tổ tiên một cách bất toàn. Để việc thờ cúng được thực sự đầy đủ, với bàn thờ, bài vị, của lễ, thì nhóm thân thuộc phải có thêm một tính cách nữa, và trưởng gia đình theo nghĩa hẹp phải đồng

thời là trưởng một chi của gia đình theo nghĩa rộng. Nói cách khác, về việc thờ cúng tổ tiên, gia đình nghĩa hẹp, mặc dầu là tế bào đầu hết của thị tộc, chỉ có một tầm quan trọng thứ yếu. Chính "họ", gia đình theo nghĩa rộng mới là cơ cấu quan trọng, bởi lẽ nó mới là toàn bộ. Sự khác biệt trên phương diện thờ tự, giữa gia đình theo nghĩa hẹp và gia đình theo nghĩa rộng như thế, có một tầm quan trọng cơ bản.

2. Hôn nhân

Gia đình xuất phát từ tôn giáo. Vậy tôn giáo đã đóng vai trò gì trong nguồn gốc các gia đình An Nam.

Trong hôn nhân thông thường, tôn giáo đóng một vai trò quan trọng, và ở một mức độ nào đó, nó thánh hiến mối dây liên kết người nam và người nữ muốn thiết lập một gia đình. Trong hôn lễ, ta thấy tổ tiên được kính cáo vào lúc cô gái sắp xa mãi gia đình gốc của mình, để hội nhập vào gia đình hôn phu. Và khi mọi nghi lễ kết thúc, khi hôn nhân đã kết ước vĩnh viễn, chủ gia đình mới của cô dâu long trọng giới thiệu nàng cho tổ tiên nhà chồng mà giờ đây đã trở thành tổ tiên của cô, cùng với những việc thờ tự mà cô sẽ gắn bó như người phụ trợ và sửa soạn các của lễ, cộng tác với chồng mình.

Như vậy, tôn giáo theo đúng nghĩa tức là việc thờ cúng tổ tiên, đóng một vai trò quan trọng trong hôn nhân, trong hành vi tạo lập gia đình. Hôn nhân, việc kết hợp chàng trai và cô gái, là một bộ phận của tôn giáo. Đây là một trong những hành vi chính yếu của việc thờ tự trong gia đình. Quan niệm về hôn nhân như thành phần của đạo giáo gia đình như thế quả là phù hợp với những gì được ghi nhận. Gia đình, khi thông qua một số thành viên được nể trọng, tôn kính nhất, đó là tổ tiên, thì hẳn đã thuộc vào bình diện siêu nhiên, và như thế, ngay từ đầu, hôn nhân tự nó đã mang một màu sắc mới đậm tính chất tôn giáo rõ rệt. Trong

hôn nhân, sự đồng thuận được thực hiện và làm nên hôn nhân, sẽ được loan báo cho những ai cần được thông báo. Gia đình không chỉ gồm những kẻ còn sống nhưng trước hết gồm những người đã khuất, tức tổ tiên ông bà. Bởi thế, lễ nghi diễn tiến tới đâu, người ta kính cáo ông bà đến đấy. Ông bà tổ tiên được xem như là những nhân vật hiện vẫn thuộc gia đình, y như các thành viên còn sống và dưới một phương diện nào đó, các vị cũng được đồng hoá với giới chức làng xã. Đặc biệt chứng minh rằng tôn giáo đóng một vai trò to lớn trong việc cử hành hôn lễ, trong việc thiết lập gia đình.

Tóm lại, dưới nhãn quan nghiên cứu của Linh mục Cadière, gia đình và tôn giáo còn có những mối dây liên kết chặt chẽ trong việc thờ cúng tổ tiên qua vai trò của người tộc trưởng, chi trưởng, qua vai trò của người cha, người mẹ và người con trong gia đình về phương diện tôn giáo. Gia đình theo quan niệm của Cadière không đơn thuần chỉ là "một nhóm gồm một cặp vợ chồng chung sống với lớp kẻ cận trực tiếp của họ", cũng không chỉ "là một nhóm thuộc loại đặc biệt vì nó biểu hiện một cấu trúc vai trò nhất định (bố/mẹ/con gái/con trai/cháu/em...), với nó thì sự tách biệt về giới tính và thế hệ là tiêu chí của cơ cấu gia đình (= một hay đa thế hệ; nam/nữ) và qua nó sẽ chuyển hoá một quan hệ hợp tác và đoàn kết rất đặc biệt mà ở tất cả các xã hội đều tổ chức theo nghi lễ sự thành lập của nó"⁽¹⁾. Gia đình trong quan niệm của Cadière chính là dòng họ, là quan hệ giữa ông bà tổ tiên, những người đã khuất, với con cháu trong một mối dây huyết thống không giới hạn về số lượng đời trong họ tộc. Với quan niệm như vậy, tôn giáo có một vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống gia đình truyền thống và hiện tại của người Việt./.

1. G.Endrweit và G. Trommsdorff. *Từ điển xã hội học*. Nxb Thế giới. Mục *Xã hội học gia đình*. Tr. 640 - 641.